

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-PT

Ngày 15 - 9 - 2023

*“V/v ly hôn, tranh chấp quyền
nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Châu

Các Thẩm phán:

Ông Tống Văn Viên

Ông Đặng Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Tài - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 09 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 17/2023/TLPT- HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2023 về việc *“Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con”*.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 66/2023/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 06 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 108/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Ngọc D, sinh năm 1983, có mặt.

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Quốc K, sinh năm 1982, có mặt.

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Người kháng cáo: Chị Lê Thị Ngọc D là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết và trong phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc D trình bày và có yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Nguyễn Quốc K trước khi tiến đến hôn nhân có tìm hiểu nhau trước khoảng 04-05 tháng và sau khi được sự đồng ý của

cha mẹ hai bên thì chị và anh K tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào năm 2005. Sau ngày cưới hai vợ chồng chị ra sống riêng tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh làm nghề mua bán. Vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài, dẫn đến hai vợ chồng có lời qua tiếng lại, anh K có đánh chị. Nay chị D xác định không còn tình cảm với anh K, nếu tiếp tục sống chung không hạnh phúc nên chị Lê Thị Ngọc D yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Quốc K.

Về con chung: Vợ chồng chị có tất cả 03 người con chung gồm Nguyễn Bạch M, sinh ngày 29/12/2005, Nguyễn Gia Đ, sinh ngày 07/7/2007 và Nguyễn Gia K1, sinh năm 21/7/2012 hiện nay các con đang sống chung với anh chị. Khi ly hôn chị D yêu cầu được nuôi các con và yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi các con mỗi tháng 3.000.000đồng/một người con, cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị D khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết bị đơn anh Nguyễn Quốc K trình bày và có yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân anh K thừa nhận đúng như lời chị D trình bày, nhưng về mâu thuẫn thì không đúng như lời chị D trình bày. Anh K thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng thì ít nhiều cũng có lời qua tiếng lại, nguyên nhân là chị D hay ghen tuông vô cớ, nhưng anh K có giải thích trong chuyện làm ăn và cũng có xin lỗi chị D. Tại phiên tòa hôm nay anh K cho biết vợ chồng hiện nay vẫn đang sống chung nhà, sinh hoạt bình thường, anh K còn thương vợ, thương con, không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án cho vợ chồng anh được đoàn tụ.

Về con chung: Đúng như chị D trình bày có 03 người con chung tên là Nguyễn Bạch M, sinh ngày 29/12/2005, Nguyễn Gia Đ, sinh ngày 07/7/2007 và Nguyễn Gia K1, sinh năm 21/7/2012 hiện do vợ chồng anh đang nuôi dưỡng, anh K không đồng ý ly hôn, con phải do vợ chồng cùng nuôi.

Về tài sản chung, về nợ chung: Anh K thống nhất như lời trình bày của chị D, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 66/2023/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Ngọc D đối với anh Nguyễn Quốc K.

2. Về con chung: Chị D và anh K có 03 người con chung là Nguyễn Bạch M, sinh ngày 29/12/2005; Nguyễn Gia Đ, sinh ngày 07/7/2007 và Nguyễn Gia K1, sinh năm 21/7/2012. Do Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D, nên không xem xét về con chung giao cho ai nuôi, mà các cháu Nguyễn Bạch M, Nguyễn Gia Đ và Nguyễn Gia K1 phải được chị D và anh K trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về tài sản chung: Chị Lê Thị Ngọc D và anh Nguyễn Quốc K khai có, tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Lê Thị Ngọc D và anh Nguyễn Quốc K khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 04 tháng 7 năm 2023, chị Lê Thị Ngọc D kháng cáo yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của chị, cho chị được ly hôn với anh K và được trực tiếp nuôi 03 người con chung, yêu cầu anh K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng/01 người con, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, rút 01 phần kháng cáo, không yêu cầu cấp dưỡng đối với cháu Nguyễn Bạch M, sinh ngày 29/12/2005; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm:

Về thủ tụng tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về kháng cáo của nguyên đơn: Tại phiên toà phúc thẩm, chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và rút 01 phần đơn kháng cáo, không yêu cầu anh K cấp dưỡng đối với cháu Nguyễn Bạch M, sinh ngày 29/12/2005. Xét thấy tại phiên toà

chị D cũng khẳng định không thể tiếp tục sống chung với anh K, vì không còn tình cảm nữa, xét trường hợp này cần thiết phải cho ly hôn vì xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của chị D, cho chị D được ly hôn với anh K.

Về con chung: Hiện cháu Nguyễn Bạch M đã trưởng thành, chị D không yêu cầu cấp dưỡng. Còn lại 02 cháu Nguyễn Gia Đ và Nguyễn Gia K1 có nguyện vọng sống chung với chị D, và không có căn cứ chứng minh chị D không có đủ điều kiện nuôi con nên đề nghị giao 02 con chung cháu Nguyễn Gia Đ và Nguyễn Gia K1 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh K2 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/ 01 cháu cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: chị D và anh K không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm số: 66/2023/DS-ST ngày 23/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Người kháng cáo được Tòa án chấp nhận không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày tranh tụng của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc D là còn trong thời hạn luật định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] *Qua xem xét hồ sơ vụ án, kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Tại phiên tòa phúc thẩm, chị D vẫn cương quyết yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cho chị được ly hôn với anh K, không đồng ý đoàn tụ vì không còn tình cảm với anh K nữa, còn anh K thì mong muốn đoàn tụ nhưng cũng không đưa ra được phương án khắc phục tình trạng mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy, theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình cũng như trên thực tế để có được đời sống vợ chồng hạnh phúc thì vợ chồng phải có nghĩa vụ biết yêu thương, chung thủy, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tôn trọng nhau, cùng nhau xây dựng gia đình, chăm sóc con chung, tình cảm này phải xuất phát từ 02 phía (vợ - chồng). Tuy nhiên, xét thấy chị D xác định không còn tình cảm với anh K nữa, do chị D mất niềm tin vì anh K đã vi phạm nghĩa vụ sống chung thủy. Trên thực tế không phải cặp vợ chồng nào có mâu thuẫn đều báo hoặc có yêu cầu chính quyền địa phương hoặc gia đình 02 bên giải quyết và đây cũng không phải là tiêu chí duy nhất để làm căn cứ xét cho vợ chồng ly hôn hay không. Trong trường hợp này, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy nếu có cho vợ chồng chị D và anh K đoàn tụ thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Từ đó, xét thấy cần chấp nhận kháng cáo của chị D, cho chị D được ly hôn với anh K.

[2.2] *Về con chung*: Tại phiên toà, chị D có yêu cầu được trực tiếp nuôi 03 con chung tên Nguyễn Bạch M, sinh ngày 29/12/2005, Nguyễn Gia Đ, sinh ngày 07/7/2007 và Nguyễn Gia K1, sinh năm 21/7/2012. Đối chiếu nguyện vọng của các cháu tại bản tự khai của các cháu thấy rằng nguyện vọng của các cháu đều muốn sống với mẹ. Hồ sơ cũng không có căn cứ nào chứng minh chị D không chăm sóc con tốt và không đủ điều kiện để nuôi các con, do đó giao 03 người con chung nêu trên cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Do Toà án cấp phúc thẩm xem xét cho chị D và anh K ly hôn nên cần xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 107 của Luật hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nên anh K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Hiện các cháu đang sinh sống tại huyện C, tỉnh Trà Vinh (vùng 1) với mức tối thiểu vùng theo quy định là 3.250.000 đồng/tháng, cho nên việc chị D yêu cầu anh K phải cấp dưỡng số tiền bằng 3.000.000đ/tháng/01 cháu đến khi con chung đủ 18 tuổi để bảo đảm quyền lợi của các con là có căn cứ. Tại phiên toà chị D chỉ yêu cầu anh K cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Gia Đ, sinh ngày 07/7/2007 và Nguyễn Gia K1, sinh năm 21/7/2012. Riêng cháu Nguyễn Bạch M, sinh ngày 29/12/2005, chị D cho rằng đã trưởng thành nên không yêu cầu cấp dưỡng, tuy nhiên qua đối chiếu thì đến ngày xét xử phúc thẩm, cháu M cũng chưa đủ 18 tuổi, nhưng do chị D tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Từ đó Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của chị D.

[3] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên toà phúc thẩm đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của chị D, sửa bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự như đã phân tích là có căn cứ chấp nhận.

[4] *Về án phí cấp dưỡng nuôi con*: Áp dụng điểm đ khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh Nguyễn Quốc K phải có chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự.

[5] *Về án phí dân sự phúc thẩm*: Theo khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kháng cáo của chị D được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm. Buộc anh Nguyễn Quốc K phải có chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật tố tụng năm 2015; Điểm đ khoản 6 Điều 27 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của chị Lê Thị Ngọc D.

Sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 66/2023/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Ngọc D được ly hôn với anh Nguyễn Quốc K.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Bạch M, sinh ngày 29/12/2005, Nguyễn Gia Đ, sinh ngày 07/7/2007 và Nguyễn Gia K1, sinh năm 21/7/2012 cho chị Lê Thị Ngọc D nuôi dưỡng.

Buộc anh Nguyễn Quốc K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Gia Đình, sinh ngày 07/7/2007 và Nguyễn Gia K1, sinh năm 21/7/2012 mỗi tháng bằng 3.000.000 đồng/01 cháu cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 19/09/2023.

Riêng cháu Nguyễn Bạch M, sinh ngày 29/12/2005, chị D không yêu cầu anh K cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Lê Thị Ngọc D và anh Nguyễn Quốc K khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Ngọc D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0016368 ngày 16/03/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh;

Buộc anh Nguyễn Quốc K phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự.

6. *Về án phí dân sự phúc thẩm*: Chị Lê Thị Ngọc D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nên hoàn trả cho chị Lê Thị Ngọc D số tiền đã nộp bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0016688 ngày 04/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

7. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, không bị sửa đổi bổ sung có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Kim Châu